



Họ và tên học sinh: ..... *Phạm Ngọc Dũng* .....

Mã đề thi: 179

Câu 1: Thực hiện phản ứng lên men rượu từ 1,5 kg tinh bột, thu được rượu etylic và CO<sub>2</sub>. Cho hấp thụ lượng khí CO<sub>2</sub> sinh ra vào dung dịch nước vôi trong thu được 450 gam kết tủa. Lọc bỏ kết tủa, sau đó đun nóng phản ứng lại thu được 150 gam kết tủa nữa. Hiệu suất phản ứng lên men rượu là

- A. 40,5%      B. 85%      C. 30,6%      D. 81%

Câu 2: Cho 2-metylbut-2-en tác dụng với HBr. Sản phẩm chính của phản ứng là

- A. 1-brom-2-metylbutan.      B. 2-brom-2-metylbutan.  
C. 2-brom-3-metylbutan.      D. 1-brom-3-metylbutan

Câu 3: Hòa tan hoàn toàn 24 gam hỗn hợp X gồm MO, M(OH)<sub>2</sub> và MCO<sub>3</sub> (M là kim loại có hóa trị không đổi) trong 100 gam dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> 39,2%, thu được 1,12 lít khí (đktc) và dung dịch Y chỉ chứa một chất tan duy nhất có nồng độ 39,41%. Kim loại M là

- A. Zn.      B. Ca.      C. Mg.      D. Cu.

Câu 4: Nung m gam hỗn hợp X gồm Zn(NO<sub>3</sub>)<sub>2</sub> và NaNO<sub>3</sub> ở nhiệt độ cao đến phản ứng hoàn toàn thu được 8,96 lít hỗn hợp khí Y (đktc). Cho khí Y hấp thụ vào nước thu được 2 lít dung dịch Z và còn lại 3,36 lít khí (đktc) không bị hấp thụ (Coi như oxi không tan trong nước). Dung dịch Z có

- A. pH = 1,3      B. pH = 1,0      C. pH = 1,7      D. pH = 2,0

Câu 5: Thực hiện các thí nghiệm sau:

- |   |  |
|---|--|
| (1) Sục khí SO <sub>2</sub> vào dung dịch KMnO <sub>4</sub>                                   | (2) Sục khí SO <sub>2</sub> vào dung dịch H <sub>2</sub> S |
| (3) Sục hỗn hợp khí NO <sub>2</sub> và O <sub>2</sub> vào nước                                | (4) Cho MnO <sub>2</sub> vào dung dịch HCl đặc, nóng       |
| (5) Cho Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> vào dung dịch H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc, nóng | (6) Cho SiO <sub>2</sub> vào dung dịch HF                  |

Số thí nghiệm xảy ra phản ứng oxi hóa - khử là

- A. 4      B. 3      C. 6      D. 5

Câu 6: Cho các giá trị thế điện cực chuẩn: E<sup>o</sup>(Cu<sup>2+</sup>/Cu) = 0,34 V; E<sup>o</sup>(Zn<sup>2+</sup>/Zn) = -0,76V. Khẳng định nào dưới đây không đúng?

- A. Cu<sup>2+</sup> có tính oxi hóa mạnh hơn Zn<sup>2+</sup>.      B. Zn khử được Cu<sup>2+</sup> thành Cu.  
C. Cu có tính khử yếu hơn Zn.      D. Zn<sup>2+</sup> oxi hóa được Cu.

Câu 7: Hòa tan hoàn toàn hỗn hợp X gồm 0,002 mol FeS<sub>2</sub> và 0,003 mol FeS vào lượng H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> đặc nóng, dư thu được khí X. Hấp thụ X bằng lượng vừa đủ V ml dung dịch KMnO<sub>4</sub> 0,05 M. Giá trị của V là

- A. 188 ml      B. 228 ml      C. 172 ml      D. 280 ml

Câu 8: Cho m gam rượu etylic đi qua một ống sứ chứa CuO đốt nóng, làm lạnh toàn bộ hơi đi ra khỏi ống sứ thu được chất lỏng X. Chia X thành hai phần bằng nhau. Phần 1 cho phản ứng hết với Na thu được 3,36 lít H<sub>2</sub> (đktc). Phần 2 cho phản ứng hết với dung dịch AgNO<sub>3</sub>/NH<sub>3</sub> dư thu được 43,2 gam Ag. Biết phản ứng oxi hóa rượu chỉ tạo thành andehit. Hiệu suất phản ứng oxi hóa rượu là

- A. 40,0%      B. 66,7%      C. 50,0%      D. 33,3%

Câu 9: Cho hỗn hợp X gồm hai chất hữu cơ có cùng công thức phân tử C<sub>2</sub>H<sub>7</sub>NO<sub>2</sub> tác dụng vừa đủ với dung dịch NaOH đun nóng, thu được dung dịch Y và 4,48 lít hỗn hợp Z (đktc) gồm hai khí (đều làm xanh giấy quỳ ảm). Tỉ khói hơi của Z đối với H<sub>2</sub> bằng 13,75. Cô cạn dung dịch Y thu được khói lượng muối khan là

- A. 14,3 gam      B. 15,7 gam      C. 8,9 gam      D. 16,5 gam.

Câu 10: Một axit hữu cơ có công thức tổng quát (C<sub>3</sub>H<sub>6</sub>O<sub>2</sub>)<sub>n</sub>. Tên gọi của axit đó là

- A. axit adipic.      B. axit propylic.      C. axit hexanoic.      D. axit propanoic.

Câu 11: Saccarozơ (C<sub>12</sub>H<sub>22</sub>O<sub>11</sub>) và glucozơ (C<sub>6</sub>H<sub>12</sub>O<sub>6</sub>) đều có

- A. phản ứng với Cu(OH)<sub>2</sub> ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch màu xanh lam.  
B. phản ứng với dung dịch brom.  
C. phản ứng với dung dịch AgNO<sub>3</sub>/NH<sub>3</sub> đun nóng.  
D. phản ứng thuỷ phân trong môi trường axit.

Câu 12: Hidrocacbon X có thành phần khối lượng cacbon trong phân tử là 90,566%. Biết rằng X không làm mất màu dung dịch brom. Khi cho X tác dụng Cl<sub>2</sub> có bột sắt làm xúc tác thì chỉ thu được một dẫn xuất monoclo duy nhất. Tên gọi của X là

- A. m-xilen      B. p-xilen      C. Etylbenzen      D. 1,3,5-Trimetylbenzen

Câu 13: Hòa tan m gam hỗn hợp X gồm Ba và Al vào nước dư, thu được 1,344 lít khí (đktc). Mặt khác khi cho 2m gam A tác dụng với dung dịch Ba(OH)<sub>2</sub> dư thu được 20,832 lít khí (đktc). Biết rằng các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng của Al trong hỗn hợp X ban đầu là

- A. 88,9%      B. 95,2%      C. 79,8%      D. 62,7%

**Câu 14:** Cho m gam Fe vào bình chứa dung dịch gồm  $H_2SO_4$  và  $HNO_3$ , thu được dung dịch X và 2,24 lít khí NO. Thêm tiếp dung dịch  $H_2SO_4$  dư vào bình thu được 0,896 lít khí NO và dung dịch Y. Biết trong cả hai trường hợp NO là sản phẩm khử duy nhất, do ở điều kiện tiêu chuẩn. Dung dịch Y hòa tan vừa hết 4,16 gam Cu (không tạo thành sản phẩm khử của  $N^{+5}$ ). Biết các phản ứng đều xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

- A. 8,12.      B. 4,80.      C. 8,40.      D. 7,84.

**Câu 15:** Một dung dịch X chứa 0,1 mol  $Na^+$ ; 0,2 mol  $Ba^{2+}$ ; x mol  $HCO_3^-$  và y mol  $Cl^-$ . Cô cạn dung dịch X rồi lấy chất rắn đem nung đến khối lượng không đổi thu được 43,6 gam chất rắn. Giá trị của x và y lần lượt là

- A. 0,1 và 0,4.      B. 0,14 và 0,36.      C. 0,45 và 0,05.      D. 0,2 và 0,1

**Câu 16:** Cho 2,74 gam Ba vào 1 lít dung dịch  $CuSO_4$  0,02M. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, khối lượng kết tủa thu được là

- A. 4,66 gam.      B. 3,42 gam.      C. 6,62 gam.      D. 1,96 gam.

**Câu 17:** Khối lượng oleum có công thức  $H_2SO_4 \cdot 3SO_3$  cần cho vào 500 gam dung dịch  $H_2SO_4$  70% để thu được dung dịch  $H_2SO_4$  98% là

- A. 568,2 gam      B. 642,3 gam      C. 778,8 gam      D. 892,9 gam

**Câu 18:** Cho X là một axit hữu cơ đơn chức, mạch hở, trong phân tử có một liên kết đôi C=C. Biết rằng m gam X làm mất màu vừa đủ 400 gam dung dịch brom 4%. Mặt khác, khi cho m gam X tác dụng với dung dịch  $NaHCO_3$  dư được 10,8 gam muối. Số chất thỏa mãn tính chất của X là

- A. 2 chất.      B. 3 chất.      C. 4 chất.      D. 5 chất.

**Câu 19:** Hợp chất có công thức  $[-NH-(CH_2)_5-CO-]_n$  có tên là

- A. Tơ enang.      B. Tơ capron.      C. Tơ nitron.      D. Tơ visco.

**Câu 20:** Hỗn hợp X gồm axetylen và etanal. Cho 0,7 gam X tác dụng hết với dung dịch  $AgNO_3/NH_3$  thu được 4,56 gam chất rắn. Phần trăm về số mol etanal trong hỗn hợp là

- A. 30 %.      B. 40 %.      C. 50%.      D. 60%.

**Câu 21:** Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Có thể phân biệt glucozơ và fructozơ bằng phản ứng tráng gương.

- B. Saccharozơ và mantozơ là đồng phân của nhau.

- C. Tinh bột và xénlulozơ là đồng phân của nhau.

- D. Tinh bột và xénlulozơ đều là polisaccarit và đều dễ kéo thành sợi.

**Câu 22:** Dùng 5,75 lít dung dịch rượu etylic 6° để lên men điều chế giấm ăn (giả sử phản ứng hoàn toàn, khối lượng riêng của rượu etylic là 0,8g/ml). Khối lượng axit axetic có trong giấm ăn thu được là

- A. 360g.      B. 270g.      C. 450g.      D. 575g.

**Câu 23:** Cho 10,0 lít  $H_2$  và 6,72 lít  $Cl_2$  (đktc) tác dụng với nhau rồi hòa tan sản phẩm vào 385,4 gam nước ta thu được dung dịch A. Lấy 50,0 gam dung dịch A cho tác dụng với dung dịch  $AgNO_3$  dư thu được 7,175 gam kết tủa. Hiệu suất của phản ứng giữa  $H_2$  và  $Cl_2$  là

- A. 32,4%      B. 20,0%      C. 44,8%      D. 66,7%

**Câu 24:** Cho 18,2 gam hỗn hợp X gồm hai kim loại Al và Cu vào lượng dư dung dịch hỗn hợp chứa  $H_2SO_4$  và  $HNO_3$  đặc, nóng. Sau phản ứng thu được 8,96 lít hỗn hợp khí (đktc) gồm NO và  $SO_2$  có tỉ khối so với hidro là 23,5. Phần trăm khối lượng của Al trong hỗn hợp X là

- A. 14,8%      B. 22,3%      C. 29,7%      D. 44,5%

**Câu 25:** Nhiệt phản hoàn toàn 166g hỗn hợp  $MgCO_3$  và  $BaCO_3$  thu được V lít  $CO_2$  (đktc). Cho toàn bộ lượng khí  $CO_2$  này hấp thụ vào dung dịch chứa 1,5 mol  $NaOH$  thu được dung dịch X. Thêm dung dịch  $BaCl_2$  dư vào X thấy tạo thành 118,2g kết tủa. Phần trăm theo khối lượng của  $MgCO_3$  trong hỗn hợp đầu là

- A. 5,06%      B. 15,18%      C. 20,24%      D. 25,30%

**Câu 26:** Thêm bột sắt dư vào các dung dịch riêng biệt sau:  $FeCl_3$ ,  $AlCl_3$ ,  $CuSO_4$ ,  $Pb(NO_3)_2$ ,  $NaCl$ ,  $HCl$ ,  $HNO_3$  (loãng),  $H_2SO_4$  (đặc, nóng). Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, số trường hợp phản ứng tạo muối  $Fe(II)$  là:

- A. 4.      B. 5.      C. 6.      D. 7.

**Câu 27:** Cho phản ứng hóa học:  $2SO_2(k) + O_2(k) \rightleftharpoons 2SO_3(k) \quad \Delta H = -198 \text{ kJ}$

Về mặt lý thuyết, muốn thu được nhiều  $SO_3$ , ta cần tiến hành biện pháp nào dưới đây?

- A. Tăng nhiệt độ.      B. Giảm nồng độ oxi.  
C. Giảm áp suất bình phản ứng.      D. Giảm nhiệt độ, tăng áp suất bình.

**Câu 28:** Cho các hợp chất hữu cơ: C<sub>2</sub>H<sub>2</sub>; C<sub>2</sub>H<sub>4</sub>; CH<sub>2</sub>O; CH<sub>2</sub>O<sub>2</sub> (mạch hở); C<sub>3</sub>H<sub>4</sub>O<sub>2</sub> (mạch hở, đơn chúc). Biết C<sub>3</sub>H<sub>4</sub>O<sub>2</sub> không làm chuyển màu quỳ tim ẩm. Số chất tác dụng được với dung dịch AgNO<sub>3</sub>/ NH<sub>3</sub> tạo ra kết tủa là

A. 3

B. 4

C. 5

D. 2.

**Câu 29:** Trong số các polime cho dưới đây polime nào không phải là polime tổng hợp.

A. Tơ capron.

C. Polistiren- PS

B. Tơ xenlulozo axetat

D. Poli(vinyl clorua)- PVC.

**Câu 30:** Hợp chất X có công thức phân tử C<sub>5</sub>H<sub>8</sub>O<sub>2</sub>, khi tham gia phản ứng xà phòng hóa thu được một anđehit và một muối của axit cacboxylic. Số chất thỏa mãn tính chất trên của X là

A. 3.

B. 4.

C. 5.

D. 6.

**Câu 31:** Phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Protein đơn giản được tạo thành từ các gốc α-amino axit.

B. Tất cả các peptit đều có khả năng tham gia phản ứng thủy phân.

C. Trong phân tử dipeptit mạch hở có hai liên kết peptit.

D. Tripeptit Gly-Ala-Gly có phản ứng màu biure với Cu(OH)<sub>2</sub>.

**Câu 32:** Cho m-HO-C<sub>6</sub>H<sub>4</sub>-CH<sub>2</sub>OH (-C<sub>6</sub>H<sub>4</sub>- là vòng thơm) tác dụng với dung dịch NaOH dư thì sản phẩm tạo ra là

A. m-HO-C<sub>6</sub>H<sub>4</sub>-CH<sub>2</sub>ONa.

B. m-NaO-C<sub>6</sub>H<sub>4</sub>-CH<sub>2</sub>OH.

C. m-NaO-C<sub>6</sub>H<sub>4</sub>-ONa.

D. m-NaO-C<sub>6</sub>H<sub>4</sub>-CH<sub>2</sub>ONa

**Câu 33:** Điện phân dung dịch CuCl<sub>2</sub> với điện cực tro, sau một thời gian thu được 0,32 gam Cu ở catot và một lượng khí X ở anot. Hấp thụ hoàn toàn lượng khí X vào 200 ml dung dịch NaOH (ở nhiệt độ thường). Sau phản ứng, nồng độ NaOH còn lại là 0,05M (giả thiết thể tích dung dịch không thay đổi). Nồng độ ban đầu của dung dịch NaOH là

A. 0,15M

B. 0,2M

C. 0,1M

D. 0,05M

**Câu 34:** Cho m gam hỗn hợp bột gồm Zn và Fe vào dung dịch CuSO<sub>4</sub> dư. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam chất rắn. Phần trăm khối lượng của Zn trong hỗn hợp ban đầu là

A. 90,27%

B. 82,30 %

C. 82,2%

D. 12,67%

**Câu 35:** Hòa tan hết a gam hỗn hợp gồm Na<sub>2</sub>CO<sub>3</sub> và KHCO<sub>3</sub> vào nước thu được dung dịch X. Cho từ từ 100 ml dung dịch HCl 1,5 M vào dung dịch X, thu được dung dịch Y và 1,008 lit khí (ở dktc). Thêm dung dịch Ba(OH)<sub>2</sub> dư vào Y thu được 29,55 gam kết tủa. Giá trị của a là

A. 20,13 gam

B. 18,7 gam

C. 12,4 gam

D. 32,4 gam

**Câu 36:** Phát biểu nào dưới đây không đúng?

A. Tính chất hóa học đặc trưng của kim loại là tính khử.

B. Bản chất của ăn mòn kim loại là quá trình oxi hóa - khử.

C. Ăn mòn hóa học làm phát sinh dòng điện.

D. Nguyên tắc chung để điều chế kim loại là khử ion kim loại thành nguyên tử kim loại.

**Câu 37:** Trộn 250 ml dung dịch hỗn hợp gồm HCl 0,08 M và H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> 0,01 M với 250 ml dung dịch Ba(OH)<sub>2</sub> a M thu được 500 ml dung dịch X có pH = 12. Giá trị của a là

A. 0,06 M

B. 0,08 M

C. 0,04 M

D. 0,12 M

**Câu 38:** Để xà phòng hoá 10 kg chất béo có chỉ số axit bằng 7, người ta đun chất béo với dung dịch chứa 1,420 kg NaOH. Sau khi phản ứng hoàn toàn, để trung hòa NaOH dư cần 500 ml HCl 1M. Khối lượng glicerol tạo thành là

A. 1,035 kg

B. 1,07 kg

C. 3,22 kg

D. 3,105 kg

**Câu 39:** Đun este đơn chúc A với dung dịch NaOH đến khi kết thúc phản ứng thu được dung dịch X. Để trung hòa lượng NaOH dư trong X cần 100 ml dung dịch HCl 1M. Cô cạn dung dịch thu được 15,25 gam hỗn hợp muối khan và hơi rượu B. Dẫn toàn bộ hơi rượu B qua CuO dư, nung nóng thu được anđehit E. Cho E tác dụng với lượng dư dung dịch AgNO<sub>3</sub>/ NH<sub>3</sub> thu được 43,2 gam Ag. Biết rằng các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Công thức của este A là

A. CH<sub>3</sub>COOCH<sub>3</sub>      B. C<sub>2</sub>H<sub>3</sub>COOCH<sub>3</sub>      C. C<sub>2</sub>H<sub>3</sub>COOC<sub>2</sub>H<sub>5</sub>      D. C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>COOCH<sub>3</sub>

**Câu 40:** Cho m gam hỗn hợp hơi X gồm hai ancol (đơn chúc, bậc I, là đồng đẳng kế tiếp) phản ứng với CuO dư, thu được hỗn hợp hơi Y gồm nước và anđehit. Tỉ khối hơi của Y so với khí hiđro bằng 14,5. Cho toàn bộ Y phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch AgNO<sub>3</sub> trong NH<sub>3</sub>, thu được 97,2 gam Ag. Giá trị của m là

A. 14,0.

B. 10,1.

C. 18,9.

D. 14,7.

**Câu 41:** Đốt 12,8 gam Cu trong không khí thu được chất rắn X. Hoà tan hết X bằng dung dịch HNO<sub>3</sub> 0,5M được 0,448 lit khí NO. Thể tích dung dịch axit HNO<sub>3</sub> đã dùng là

A. 0,21 lit.

B. 0,42 lit.

C. 0,63 lit.

D. 0,84 lit.

**Câu 42:** Hiện tượng thí nghiệm nào dưới đây được mô tả không đúng?

- A. Cho dung dịch  $\text{Br}_2$  vào dung dịch phenol thấy xuất hiện kết tủa trắng.
- B. Cho quì tím vào dung dịch phenol, quì chuyển sang màu đỏ do phenol có tính axit.
- C. Cho phenol vào dung dịch  $\text{NaOH}$  dư, ban đầu phân lớp, sau tạo dung dịch đồng nhất.
- D. Dẫn dòng khí  $\text{CO}_2$  đi vào dung dịch natri phenolat thấy xuất hiện vân đục.

**Câu 43:** Phản ứng nào sau đây không đúng?

- A.  $2\text{S} + \text{H}_2\text{SO}_4$  (đặc, nóng)  $\longrightarrow \text{H}_2\text{S} + 2\text{SO}_2$
- B.  $\text{H}_2\text{S} + 4\text{Cl}_2 + 4\text{H}_2\text{O} \longrightarrow \text{H}_2\text{SO}_4 + 8\text{HCl}$
- C.  $2\text{H}_2\text{S} + \text{O}_2 \longrightarrow 2\text{S} + 2\text{H}_2\text{O}$
- D.  $2\text{H}_2\text{S} + 3\text{O}_2 \longrightarrow 2\text{SO}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$

**Câu 44:** Cho hỗn hợp gồm Mg và Cu tác dụng với 200ml dung dịch chứa hỗn hợp hai muối  $\text{AgNO}_3$  0,3M và  $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$  0,25M. Sau khi các phản ứng hoàn toàn, thu được dung dịch A và chất rắn B. Cho A tác dụng với dung dịch  $\text{NaOH}$  dư, lọc lấy kết tủa đem nung đến khói lượng không đổi được 3,6 gam hỗn hợp X gồm hai oxit. Hoà tan hoàn toàn B trong dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc, nóng được 2,016 lít khí  $\text{SO}_2$  (ở dktc). Phần trăm khói lượng của Mg trong hỗn hợp đầu là

- A. 32,5%      B. 42,4%      C. 56,8%      D. 63,5%

**Câu 45:** Oxi hóa hoàn toàn 14,3 gam hỗn hợp bột kim loại gồm Mg, Al và Zn bằng oxi dư thu được 22,3 gam hỗn hợp các oxit. Cho lượng oxit này tác dụng với dung dịch  $\text{HCl}$  dư thì khói lượng hỗn hợp muối khan tạo thành là

- A. 57,8 gam      B. 32,05 gam      C. 49,8 gam      D. 50,8 gam

**Câu 46:** Trong một cốc nước có chứa 0,01 mol  $\text{Na}^+$ ; 0,02 mol  $\text{Ca}^{2+}$ ; 0,01 mol  $\text{Mg}^{2+}$ ; 0,05 mol  $\text{HCO}_3^-$  và 0,02 mol  $\text{Cl}^-$ . Vậy nước trong cốc thuộc loại nước

- A. có độ cứng tạm thời.
- B. có độ cứng vĩnh cửu.
- C. mềm.
- D. có độ cứng toàn phần.

**Câu 47:** Hỗn hợp X gồm  $\text{H}_2$  và hai olefin là đồng đẳng kế tiếp nhau. Cho 8,96 lít hỗn hợp X đi qua xúc tác Ni nung nóng thu được hỗn hợp Y. Dẫn Y qua dung dịch  $\text{Br}_2$  dư thấy khói lượng bình tăng 1,82 gam và thoát ra 5,6 lít hỗn hợp khí Z. Tỷ khói của Z đối với  $\text{H}_2$  là 7,72. Biết tốc độ phản ứng của hai olefin với hiđro là như nhau, Công thức phân tử và % thể tích của anken có ít nguyên tử cacbon hơn trong X là

- A.  $\text{C}_2\text{H}_4$ ; 20,0%      B.  $\text{C}_2\text{H}_4$ ; 17,5%      C.  $\text{C}_3\text{H}_6$ ; 17,5%      D.  $\text{C}_3\text{H}_6$ ; 20,0%

**Câu 48:** Đun 4,4gam X (công thức phân tử  $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ ) với  $\text{NaOH}$  dư thấy thoát ra hơi rượu Y. Cho Y qua  $\text{CuO}$  dư nung nóng được andehit Z. Cho Z phản ứng với lượng dư dung dịch  $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$  thấy khói lượng Ag tạo ra nhiều hơn 15gam. Biết rằng các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Công thức của X là

- A.  $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOC}_2\text{H}_5$       B.  $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$       C.  $\text{HCOOC}_3\text{H}_7$       D.  $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ .

**Câu 49:** Cho m gam hỗn hợp 2 axit hữu cơ no đơn chức kế tiếp nhau trong dây đồng đẳng, tác dụng với 6,90 gam Na thu được 2,464 lít khí (dktc) và 19,08 gam hỗn hợp chất rắn. Tên gọi của các axit là

- A. fomic và axetic.
- B. axetic và propionic.
- C. propionic và butyric.
- D. butanoic và pentanoic.

**Câu 50:** Mệnh đề nào sau đây không đúng?

- A.  $\text{CH}_3\text{NH}_2$  dễ tan trong nước.
- B.  $\text{CH}_3\text{NH}_2$  tác dụng với dung dịch  $\text{FeCl}_3$ , tạo ra kết tủa đỏ nâu.
- C. Dung dịch  $\text{CH}_3\text{NH}_2$  làm đổi màu quỳ tím thành đỏ.
- D. Khí  $\text{CH}_3\text{NH}_2$  phản ứng với khí  $\text{HCl}$  tạo thành khói trắng dạng sương mù.

----- Hết -----

Cho: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; S = 32; Cl = 35,5; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; K = 39; Ca = 40; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108 ; Ba = 137.



**Mã đề thi: 146**

- |            |            |            |            |            |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: B.  | Câu 2: D.  | Câu 3: C.  | Câu 4: B.  | Câu 5: B.  |
| Câu 6: B.  | Câu 7: A.  | Câu 8: A.  | Câu 9: D.  | Câu 10: A. |
| Câu 11: A. | Câu 12: C. | Câu 13: C. | Câu 14: C. | Câu 15: B. |
| Câu 16: C. | Câu 17: A. | Câu 18: B. | Câu 19: C. | Câu 20: B. |
| Câu 21: C. | Câu 22: C. | Câu 23: D. | Câu 24: D. | Câu 25: A. |
| Câu 26: B. | Câu 27: B. | Câu 28: B. | Câu 29: D. | Câu 30: A. |
| Câu 31: A. | Câu 32: C. | Câu 33: C. | Câu 34: A. | Câu 35: B. |
| Câu 36: A. | Câu 37: C. | Câu 38: B. | Câu 39: D. | Câu 40: A. |
| Câu 41: C. | Câu 42: D. | Câu 43: A. | Câu 44: A. | Câu 45: B. |
| Câu 46: B. | Câu 47: C. | Câu 48: A. | Câu 49: D. | Câu 50: C. |

**Mã đề thi: 135**

- |            |            |            |            |            |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: A.  | Câu 2: A.  | Câu 3: B.  | Câu 4: B.  | Câu 5: B.  |
| Câu 6: C.  | Câu 7: D.  | Câu 8: B.  | Câu 9: A.  | Câu 10: D. |
| Câu 11: A. | Câu 12: C. | Câu 13: B. | Câu 14: B. | Câu 15: C. |
| Câu 16: C. | Câu 17: C. | Câu 18: A. | Câu 19: B. | Câu 20: C. |
| Câu 21: B. | Câu 22: B. | Câu 23: B. | Câu 24: A. | Câu 25: D. |
| Câu 26: D. | Câu 27: C. | Câu 28: C. | Câu 29: A. | Câu 30: D. |
| Câu 31: B. | Câu 32: C. | Câu 33: A. | Câu 34: B. | Câu 35: A. |
| Câu 36: C. | Câu 37: C. | Câu 38: A. | Câu 39: A. | Câu 40: C. |
| Câu 41: B. | Câu 42: A. | Câu 43: D. | Câu 44: B. | Câu 45: A. |
| Câu 46: A. | Câu 47: D. | Câu 48: C. | Câu 49: C. | Câu 50: D. |

**Mã đề thi: 179**

- |            |            |            |            |            |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: A.  | Câu 2: B.  | Câu 3: C.  | Câu 4: B.  | Câu 5: A.  |
| Câu 6: D.  | Câu 7: B.  | Câu 8: B.  | Câu 9: A.  | Câu 10: D. |
| Câu 11: A. | Câu 12: B. | Câu 13: C. | Câu 14: A. | Câu 15: B. |
| Câu 16: C. | Câu 17: C. | Câu 18: C. | Câu 19: B. | Câu 20: C. |
| Câu 21: B. | Câu 22: A. | Câu 23: D. | Câu 24: C. | Câu 25: A. |
| Câu 26: C. | Câu 27: D. | Câu 28: B. | Câu 29: B. | Câu 30: D. |
| Câu 31: C. | Câu 32: B. | Câu 33: C. | Câu 34: A. | Câu 35: A. |
| Câu 36: C. | Câu 37: A. | Câu 38: A. | Câu 39: B. | Câu 40: D. |
| Câu 41: D. | Câu 42: B. | Câu 43: A. | Câu 44: C. | Câu 45: C. |
| Câu 46: D. | Câu 47: A. | Câu 48: B. | Câu 49: A. | Câu 50: C. |

**Mã đề thi: 182**

- |            |            |            |            |            |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: C.  | Câu 2: B.  | Câu 3: A.  | Câu 4: D.  | Câu 5: A.  |
| Câu 6: A.  | Câu 7: D.  | Câu 8: B.  | Câu 9: B.  | Câu 10: B. |
| Câu 11: C. | Câu 12: B. | Câu 13: A. | Câu 14: C. | Câu 15: B. |
| Câu 16: B. | Câu 17: C. | Câu 18: C. | Câu 19: C. | Câu 20: A. |
| Câu 21: D. | Câu 22: A. | Câu 23: B. | Câu 24: D. | Câu 25: B. |
| Câu 26: A. | Câu 27: C. | Câu 28: D. | Câu 29: B. | Câu 30: C. |
| Câu 31: C. | Câu 32: B. | Câu 33: C. | Câu 34: D. | Câu 35: B. |
| Câu 36: A. | Câu 37: C. | Câu 38: A. | Câu 39: A. | Câu 40: A. |
| Câu 41: B. | Câu 42: A. | Câu 43: C. | Câu 44: D. | Câu 45: A. |
| Câu 46: C. | Câu 47: D. | Câu 48: A. | Câu 49: B. | Câu 50: C. |